

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ngữ văn

TẬP HAI

7



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN KHẮC PHI (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN ĐÌNH CHÚ (Chủ biên phần Văn)
NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên phần Tiếng Việt)
TRẦN ĐÌNH SỬ (Chủ biên phần Tập làm văn) – ĐỖ KIM HỒI – NGUYỄN VĂN LONG
BÙI MẠNH NHỊ – ĐỖ NGỌC THỐNG

Ngữ văn 7

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ mười bảy)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng cho các em học sinh lớp sau !

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam – Bộ Giáo dục và Đào tạo

01-2020/CXBIPH/295-869/GD

Mã số : 2H709T0

BÀI 18

Kết quả cần đạt

- Hiểu thế nào là **tục ngữ**. Hiểu nội dung, ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật (kết cấu, nhịp điệu, cách lập luận) của những câu tục ngữ trong bài học. Học thuộc những câu tục ngữ đó.
- Nắm được yêu cầu và cách thức sưu tầm ca dao, dân ca, tục ngữ địa phương.
- Hiểu rõ nhu cầu nghị luận trong đời sống và đặc điểm chung của **văn bản nghị luận**.

VĂN BẢN

TỤC NGỮ (★)

VỀ THIÊN NHIÊN VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

1. Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng,
Ngày tháng mười chưa cười đã tối⁽¹⁾.
2. Mau⁽²⁾ sao thì nắng, vắng sao thì mưa.
3. Ráng mỡ gà⁽³⁾, có nhà thì giữ.
4. Tháng bảy kiến bò⁽⁴⁾, chỉ lo lại lụt.
5. Tắc đất tắc vàng.
6. Nhất canh trì, nhị canh viên, tam canh điền⁽⁵⁾.
7. Nhất nước, nhì phân, tam cần⁽⁶⁾, tứ giống.
8. Nhất thì⁽⁷⁾, nhì thực⁽⁸⁾.

Chú thích

(★) *Tục ngữ*: những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt (tự nhiên, lao động

sản xuất, xã hội), được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ và lời ăn tiếng nói hằng ngày. Đây là một thể loại văn học dân gian.

(1) Vào tháng năm (âm lịch) ngày dài đêm ngắn ; còn vào tháng mười (âm lịch) thì ngược lại, ngày ngắn đêm dài.

(2) *Mau* : trái nghĩa với *thưa* ; ở đây có nghĩa là nhiều, dày.

(3) *Ráng* : sắc màu (vàng, trắng hoặc đỏ) phía chân trời do ánh mặt trời chiếu vào mây. *Ráng mỡ gà* : ráng có sắc vàng, màu tựa màu mỡ gà. Khi chân trời có ráng vàng là sắp có dông bão.

(4) *Tháng bảy kiến bò* : kiến bò lên cao vào tháng bảy (âm lịch) là hiện tượng báo sắp có lụt.

(5) Thứ nhất đào ao nuôi cá, thứ nhì làm vườn, thứ ba làm ruộng.

(6) *Cần* : chăm chỉ, chịu khó.

(7) *Thi* : ở đây là thời vụ thích hợp nhất cho việc trồng trọt ; mùa nào trồng cây ấy lúc thời tiết thích hợp.

(8) *Thục* : cày đi bừa lại để có đất tốt, thuận cho sự phát triển của các loại cây trồng.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Đọc kĩ các câu tục ngữ và chú thích trong bài để hiểu văn bản và những từ ngữ khó.

2. Có thể chia tám câu tục ngữ trong bài làm mấy nhóm ? Mỗi nhóm gồm những câu nào ? Gọi tên từng nhóm đó.

3. Phân tích từng câu tục ngữ theo những nội dung sau :

a) Nghĩa của câu tục ngữ.

b*) Cơ sở thực tiễn của kinh nghiệm nêu trong câu tục ngữ.

c) Một số trường hợp có thể áp dụng kinh nghiệm nêu trong câu tục ngữ. (Ví dụ, có thể ứng dụng câu 1 vào việc sử dụng thời gian cho phù hợp ở mùa hè, mùa đông như thế nào ?)

d) Giá trị của kinh nghiệm mà câu tục ngữ thể hiện.

4. Nhìn chung, tục ngữ có những đặc điểm về hình thức :

- Ngắn gọn ;
- Thường có vần, nhất là vần lưng ;
- Các vế thường đối xứng nhau cả về hình thức, cả về nội dung ;
- Lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh.

Hãy minh họa những đặc điểm nghệ thuật đó và phân tích giá trị của chúng bằng những câu tục ngữ trong bài học.

Ghi nhớ

Bằng lối nói ngắn gọn, có vần, có nhịp điệu, giàu hình ảnh, những câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất đã phản ánh, truyền đạt những kinh nghiệm quý báu của nhân dân trong việc quan sát các hiện tượng thiên nhiên và trong lao động sản xuất. Những câu tục ngữ ấy là “túi khôn” của nhân dân nhưng chỉ có tính chất tương đối chính xác vì không ít kinh nghiệm được tổng kết chủ yếu là dựa vào quan sát.

LUYỆN TẬP

Sưu tầm thêm một số câu tục ngữ có nội dung phản ánh kinh nghiệm của nhân dân ta về các hiện tượng mưa, nắng, bão, lụt.

ĐỌC THÊM

- Trăng quầng^(a) thì hạn, trăng tán^(b) thì mưa.
- Mống^(c) đông vòng^(d) tây, chẳng mưa dây cũng bão giạt.
- Mưa tháng ba hoa đất,
Mưa tháng tư hư đất.

(a) *Quầng* : vầng sáng bao quanh Mặt Trăng.

(b) *Tán* : vòng sáng bao quanh Mặt Trăng, tách biệt rõ nét với Mặt Trăng hơn *quầng*.

(c) *Mống* : đoạn cầu vòng phía chân trời.

(d) *Vòng* : cầu vòng.

- Tháng hai trồng cà, tháng ba trồng đỗ.
- Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân.
- Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.
- Tôm đi chàng vạng, cá đi rạng đông.

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG

(Phần Văn và Tập làm văn)

I – NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Học sinh sưu tầm những câu ca dao, dân ca, tục ngữ lưu hành ở địa phương mình, nhất là những câu đặc sắc, mang tính địa phương (mang tên riêng địa phương, nói về sản vật, di tích, thắng cảnh, danh nhân, sự tích, từ ngữ địa phương,...).

2. Mỗi học sinh ít nhất ghi được hai mươi câu.

II – PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Cách sưu tầm

- Tìm hỏi người địa phương.
- Chép lại từ sách báo ở địa phương.
- Tìm các sách ca dao, tục ngữ viết về địa phương.

2. Mỗi em tự sắp xếp ca dao riêng, tục ngữ riêng theo trật tự ABC của chữ cái đầu câu.

3. Đến thời hạn nộp, lớp thành lập nhóm biên tập, tổng hợp kết quả sưu tầm, loại bỏ câu trùng lặp, sắp xếp lại theo trật tự ABC trong một bản sưu tập chung.

4. Tổ chức nhận xét kết quả và phương pháp sưu tầm, thảo luận về những đặc sắc của ca dao, tục ngữ địa phương mình.

5. Thầy, cô giáo tổng kết, rút kinh nghiệm.

(Ba điểm trên, học sinh thực hiện ngoài giờ lên lớp trong 10 bài đầu của học kì II ; hai điểm sau thực hiện tại lớp trong Bài 33.)

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN NGHỊ LUẬN

I – NHU CẦU NGHỊ LUẬN VÀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

1. Nhu cầu nghị luận

a) Trong đời sống, em có thường gặp các vấn đề và câu hỏi kiểu như dưới đây không :

- Vì sao em đi học ? (hoặc : Em đi học để làm gì ?)
- Vì sao con người cần phải có bạn bè ?
- Theo em, như thế nào là sống đẹp ?
- Trẻ em hút thuốc lá là tốt hay xấu, lợi hay hại ?

Hãy nêu thêm các câu hỏi về các vấn đề tương tự.

b) Gặp các vấn đề và câu hỏi loại đó, em có thể trả lời bằng các kiểu văn bản đã học như kể chuyện, miêu tả, biểu cảm hay không ? Hãy giải thích vì sao.

c) Để trả lời những câu hỏi như thế, hằng ngày trên báo chí, qua đài phát thanh, truyền hình, em thường gặp những kiểu văn bản nào ? Hãy kể tên một vài kiểu văn bản mà em biết.

2. Thế nào là văn bản nghị luận ?

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi.

CHỐNG NẠN THẤT HỌC^(a)

Quốc dân^(b) Việt Nam !

Khi xưa Pháp cai trị^(c) nước ta, chúng thi hành chính sách ngu dân^(d). Chúng hạn chế mở trường học, chúng không muốn cho dân ta biết chữ để dễ lừa dối dân ta và bóc lột dân ta.

(a) *Thất học* : không được đi học.

(b) *Quốc dân* : nhân dân trong một nước.

(c) *Cai trị* : sử dụng, điều khiển bộ máy hành chính nhằm thống trị, áp bức.

(d) *Ngu dân* : làm cho nhân dân không hiểu biết để dễ bề cai trị.

Số người Việt Nam thất học so với số người trong nước là 95 phần trăm, nghĩa là hầu hết người Việt Nam mù chữ. Như thế thì tiến bộ làm sao được ?

Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này, là nâng cao dân trí^(a) [...].

Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi^(b) của mình, bổn phận^(c) của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ.

Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ, hãy góp sức vào bình dân học vụ^(d), như các anh chị em trong sáu, bảy năm nay đã gây phong trào truyền bá Quốc ngữ, giúp đồng bào thất học.

Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo, người ăn người làm^(e) không biết thì chủ nhà bảo, các người giàu có thì mở lớp học ở tư gia^(g) dạy cho những người không biết chữ ở hàng xóm láng giềng, các chủ ấp, chủ đồn điền^(h), chủ hầm mỏ, nhà máy thì mở lớp học cho những tá điền⁽ⁱ⁾, những người làm của mình.

Phụ nữ lại càng cần phải học, đã lâu chị em bị kìm hãm, đây là lúc chị em phải cố gắng để kịp nam giới, để xứng đáng mình là một phần tử trong nước, có quyền bầu cử và ứng cử.

Công việc này, mong anh chị em thanh niên sốt sắng giúp sức.

Chủ tịch
Chính phủ nhân dân lâm thời
HỒ CHÍ MINH

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4,
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000)

(a) *Dân trí*: trình độ hiểu biết của nhân dân.

(b) *Quyền lợi*: quyền được hưởng những lợi ích nào đó về vật chất, tinh thần, chính trị, xã hội,...

(c) *Bổn phận*: phần việc của mình phải làm theo nghĩa vụ.

(d) *Bình dân học vụ*: tên gọi của công tác xoá nạn mù chữ cho nhân dân (sau Cách mạng tháng Tám).

(e) *Người ăn người làm*: chỉ những người giúp việc trong nhà.

(g) *Tư gia*: nhà riêng.

(h) *Đồn điền*: cơ sở kinh doanh nông nghiệp lớn, chủ yếu trồng cây công nghiệp, như đồn điền cao su,...

(i) *Tá điền*: người nông dân thuê ruộng của chủ để trồng trọt và nộp sản phẩm theo định mức.

Câu hỏi :

a) Bác Hồ viết bài này nhằm mục đích gì ? Để thực hiện mục đích ấy, bài viết nêu ra những ý kiến nào ? Những ý kiến ấy được diễn đạt thành những luận điểm nào ? Tìm các câu văn mang luận điểm. (Chú ý : Nhan đề cũng là một bộ phận của bài.)

b) Để ý kiến có sức thuyết phục, bài viết đã nêu lên những lí lẽ nào ? Hãy liệt kê các lí lẽ ấy. (Gợi ý : Vì sao dân ta ai cũng phải biết đọc, biết viết ? Việc chống nạn mù chữ có thể thực hiện được không ?)

c) Tác giả có thể thực hiện mục đích của mình bằng văn kể chuyện, miêu tả, biểu cảm được không ? Vì sao ?

Ghi nhớ

- Trong đời sống, ta thường gặp **văn nghị luận** dưới dạng các ý kiến nêu ra trong cuộc họp, các bài xã luận, bình luận, bài phát biểu ý kiến trên báo chí,...
- Văn nghị luận là văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng, quan điểm nào đó. Muốn thế, văn nghị luận phải có luận điểm rõ ràng, có lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục.
- Những tư tưởng, quan điểm trong bài văn nghị luận phải hướng tới giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống thì mới có ý nghĩa.

II – LUYỆN TẬP

1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

CẦN TẠO RA THÓI QUEN TỐT TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Có thói quen tốt và thói quen xấu. Luôn dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa, luôn đọc sách,... là thói quen tốt.

Hút thuốc lá, hay cáu giận, mất trật tự là thói quen xấu. Có người biết phân biệt tốt và xấu, nhưng vì đã thành thói quen nên rất khó bỏ, khó sửa. Chẳng hạn